

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cẩm Phả, ngày 01 tháng 3 năm 2024

HỢP ĐỒNG

Số: 1961/HĐ - TCS - KH

Quan trắc môi trường mỏ định kỳ năm 2024

Dự án khai thác lộ thiên mỏ Khe Chàm II (điều chỉnh)

Công ty cổ phần than Cao Sơn - TKV

Căn cứ Bộ Luật dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ Quyết định số: 351/QĐ-TCS-ĐM ngày 12/01/2024 của Công ty cổ phần than Cao Sơn - TKV Về việc phê duyệt Đề cương - Dự toán chi phí và Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp thực hiện quan trắc môi trường mỏ năm 2024 - Dự án khai thác lộ thiên mỏ Khe Chàm II (điều chỉnh);

Căn cứ Biên bản thương thảo hoàn thiện hợp đồng ngày 20/02/2024 đã ký giữa hai bên;

Căn cứ Quyết định số: 1758/QĐ-TCS-ĐM ngày 23/02/2024 "V/v phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp thực hiện quan trắc môi trường mỏ năm 2024 - Dự án khai thác lộ thiên mỏ Khe Chàm II (điều chỉnh)";

Hôm nay, tại văn phòng Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV.

Địa chỉ	Phường Cẩm Sơn - TP.Cẩm Phả - T.Quảng Ninh.
Điện thoại / Fax	02033. 862337 / 02033. 863945
Số tài khoản	1106 4242 8888
Ngân hàng	TMCP Công thương Việt Nam - CN Cẩm Phả.
Số tài khoản	100 868 6868
Ngân hàng	TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Cẩm Phả
Mã số thuế	5702053837
Người đại diện	Ông: Phạm Quốc Việt - Chức vụ: Giám đốc.

Bên B: TRUNG TÂM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỎ VÀ MÔI TRƯỜNG.

Địa chỉ:	Tầng I, Nhà A, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, P. Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
Điện thoại / Fax:	024 37 520 356/ 024 37 520 356
Số tài khoản:	3100211000113
Ngân hàng	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Từ Liêm, Hà Nội.
Mã số thuế:	0100 763 654
Người đại diện:	Ông: Trần Xuân Hà - Chức vụ: Giám đốc.

Sau khi bàn bạc, hai bên cùng thỏa thuận thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG.

Bên A đồng ý giao và Bên B nhận thực hiện: Quan trắc môi trường mỏ định kỳ năm 2024 - Dự án khai thác lộ thiên mỏ Khe Chàm II (điều chỉnh), cụ thể:

- Quan trắc môi trường không khí (các thông số khí, bụi lơ lửng; tiếng ồn; độ rung; vi khí hậu): 192 mẫu/năm;
- Quan trắc môi trường nước (nước sinh hoạt; nước mặt; nước thải; nước thải sinh hoạt): 40 mẫu/năm;
- Quan trắc môi trường đất: 16 mẫu/năm;
- Một số nội dung khác thực hiện theo đề cương đã được phê duyệt;
- Tần suất quan trắc: 01 kỳ/quý; Tổng cộng 04 kỳ.

ĐIỀU 2: THỨ TỰ ƯU TIÊN PHÁP LÝ CỦA HỢP ĐỒNG.

2.1. Văn bản hợp đồng và các phụ lục (nếu có).

2.2. Quyết định số: 1758/QĐ-TCS-ĐM ngày 23/02/2024 “V/v phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp thực hiện quan trắc môi trường mỏ năm 2024 - Dự án khai thác lộ thiên mỏ Khe Chàm II (điều chỉnh)”.

2.3. Biên bản thương thảo hoàn thiện hợp đồng ngày 20/02/2024 đã ký giữa hai bên.

2.4. Quyết định số: 351/QĐ-TCS-ĐM ngày 12/01/2024 của Công ty cổ phần than Cao Sơn - TKV Về việc phê duyệt Đề cương - Dự toán chi phí và Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp thực hiện quan trắc môi trường mỏ năm 2024 - Dự án khai thác lộ thiên mỏ Khe Chàm II (điều chỉnh).

2.5. Các tài liệu liên quan kèm theo khác (nếu có).

ĐIỀU 3: GIÁ HỢP ĐỒNG, NGHIỆM THU VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

3.1. Giá hợp đồng: 479.452.713 đồng. (Đã bao gồm VAT).

Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi hai nghìn, bảy trăm mười ba đồng.

- Thuế VAT thực hiện theo quy định của Nhà nước.

3.2. Nghiệm thu:

- Sản phẩm nghiệm thu là Báo cáo kết quả quan trắc môi trường các quý.
- Thời điểm nghiệm thu: Sau khi có đầy đủ kết quả quan trắc môi trường các quý.
- Phương thức nghiệm thu: Đối chiếu các công việc thực hiện theo Đề cương quan trắc môi trường mỏ năm 2024 - Dự án khai thác lộ thiên mỏ Khe Chàm II (điều chỉnh) đã được phê duyệt.

3.3. Phương thức thanh toán:

3.3.1. Tạm ứng: Không.

3.3.2. Thanh toán:

MM

- Bên A thanh toán 100% giá trị hợp đồng cho Bên B kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

- Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- + Báo cáo quan trắc 04 quý năm 2024 và các phiếu kết quả phân tích mẫu theo quy định
- + Biên bản nghiệm thu.
- + Hóa đơn giá trị gia tăng.
- + Văn bản đề nghị thanh toán của bên B.
- + Biên bản quyết toán hợp đồng.

3.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

3.4. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN.

4.1. Quyền và trách nhiệm Bên A.

- Sở hữu và sử dụng sản phẩm theo Hợp đồng.
- Không nghiệm thu sản phẩm không đạt chất lượng theo Hợp đồng.
- Kiểm tra công việc tư vấn của Bên B nếu thấy cần thiết.
- Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn.
- Tạo điều kiện để Bên B được tiến hành các hoạt động quan trắc trong các khu vực theo Đề cương đã được phê duyệt.
- Cử những cá nhân có đủ năng lực và chuyên môn phù hợp với từng công việc để làm việc với Bên B.
- Phối hợp thực hiện cùng bên B đảm bảo tính chính xác, khoa học.
- Tổ chức huấn luyện an toàn làm việc tại khai trường cho toàn bộ CBCNV của Bên B trước khi thực hiện hợp đồng.
- Thanh toán cho Bên B theo quy định của Hợp đồng.

4.2. Quyền và trách nhiệm Bên B.

- Được quyền yêu cầu Bên A cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến công việc.
- Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng.
- Được quyền thanh toán đúng hạn theo quy định tại hợp đồng.
- Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của hợp đồng.
- Đảm bảo chất lượng, tiến độ quan trắc đúng như hai bên đã thỏa thuận.
- Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự để thực hiện công việc.
- Chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm của mình.
- Khi có yêu cầu của Bên A, Bên B sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của bên A (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn.
- Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,.....với số lượng theo yêu cầu của Bên A.
- Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc tư vấn theo Hợp đồng.

- Chịu trách nhiệm về an toàn trong quá trình thực hiện, khi thực hiện trong khu vực sản xuất phải tuân theo sự chỉ dẫn của cán bộ kỹ thuật bên A.

- Khi đến Công ty làm việc phải chấp hành nghiêm chỉnh mọi nội quy, quy định của Công ty.

- Bên B phải đăng ký danh sách CBCNV để được huấn luyện an toàn theo quy định tại công trường của Công ty cổ phần than Cao Sơn - TKV.

ĐIỀU 5: LOẠI HỢP ĐỒNG: Trọn gói.

ĐIỀU 6: THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong năm 2024.

- Tiến độ chi tiết như sau:

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Thời gian bàn giao
1	Thực hiện quan trắc quý I	Trước 31/3/2024	Trước 20/4/2024
2	Thực hiện quan trắc quý II	Trước 30/6/2024	Trước 10/7/2024
3	Thực hiện quan trắc quý III	Trước 30/9/2024	Trước 09/10/2024
4	Thực hiện quan trắc quý IV	Trước 25/12/2024	Trước 31/12/2024

ĐIỀU 7: PHẠT KHI VI PHẠM HỢP ĐỒNG.

Nếu Bên B chậm tiến độ bàn giao báo cáo quan trắc môi trường thì cứ 01 ngày chậm tiến độ thì phạt 01% giá hợp đồng nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá hợp đồng.

ĐIỀU 8: RỦI RO VÀ BẤT KHẢ KHÁNG.

- Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của một bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các điều kiện thời tiết bất lợi;

- Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng;

- Trong khoảng thời gian không thể thực hiện dịch vụ do điều kiện bất khả kháng, Bên B theo hướng dẫn của Bên A vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng. Trong trường hợp này, Bên A phải xem xét để bồi hoàn cho Bên B các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà Bên B phải gánh chịu.

- Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.

- Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 9.

ĐIỀU 9: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP.

- Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, thống nhất.

- Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, thống nhất trong thời gian: 20 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra Tòa án để giải quyết. Phán quyết cuối cùng của Tòa án bắt buộc hai bên phải thực hiện và bên thua phải chịu trách nhiệm toàn bộ phí tổn.

ĐIỀU 10: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG.

- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày được ký kết.
- Sau khi hai bên đã hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ, trách nhiệm được thỏa thuận trong hợp đồng, trong vòng 30 ngày nếu các bên không có bất kỳ khiếu nại gì về việc thực hiện hợp đồng của bên kia, hợp đồng này hết hiệu lực và được coi như đã thanh lý mà không cần đến một văn bản nào khác.

ĐIỀU 11: CAM KẾT CHUNG.

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng này, trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hai bên cùng nhau bàn bạc, tìm hiểu biện pháp giải quyết, mọi sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải được bổ sung bằng Phụ lục hợp đồng (hoặc bằng văn bản cụ thể và phải được hai bên ký kết hợp pháp) mới có hiệu lực thi hành, không bên nào được tự ý thay đổi.

Hợp đồng gồm 05 trang. Hợp đồng được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 04 bản, bên B giữ 02 bản để hai bên cùng thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC



Phạm Quốc Việt

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



Trần Xuân Hà

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
TRUNG TÂM KHCN MỎ VÀ MÔI TRƯỜNG

QUYẾT TOÁN

HỢP ĐỒNG SỐ: 1961/HĐ-TCS-KH

VỀ VIỆC QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ NĂM 2024 – DỰ ÁN
KHAI THÁC LỘ THIÊN MỎ KHE CHÀM II (ĐIỀU CHỈNH)

Tổng giá trị: 470.735.391 đồng (đã bao gồm thuế VAT)

(Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi triệu, bảy trăm ba mươi năm nghìn, ba trăm chín mươi một đồng)

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
THAN CAO SƠN - TKV



Nguyễn Văn Sinh

TRUNG TÂM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
MỎ VÀ MÔI TRƯỜNG



PGS.TS. Trần Xuân Hà

NGƯỜI LẬP


Nguyễn Văn Thinh

BẢNG 1: QUYẾT TOÁN CHI PHÍ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NĂM 2024

TT	Tên chi phí	Cách tính	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	Chi phí trực tiếp	(1+2+3)	397,712,000	
1	Chi phí phân tích mẫu		254,562,000	
2	Chi phí nhân công trực tiếp		101,430,000	
3	Chi phí khác		41,720,000	
a	Công tác phí	44 công x 200.000đ/ngày (Áp dụng Thông tư số 40/2017/TT-BTC)	8,800,000	
b	Lưu trú	5 người x 1 đêm x 4 lần x 350.000đ/đêm/người	7,000,000	Thông tư Số: 40/2017/TT-BTC
c	Thuê xe	(1 ngày x 1 lần + 2 ngày x 4 lần) x 2.500.000đ/ngày	21,600,000	
d	In tài liệu	6 quyển x 4 lần x 180.000 đ/quyển	4,320,000	
II	Chi phí chung	5,5% x (I)	21,874,160	
III	Thu nhập chịu thuế tính trước	6% x (I+II)	25,175,170	
IV	Tổng giá trị trước thuế (GTTT)	I+II+III	444,761,330	
V	Tiết giảm chi phí	2% x (IV)	8,895,227	
VI	Giá trị sau tiết giảm	VI = IV-V	435,866,103	
VII	Thuế VAT	VI x 8%	34,869,288	
	Tổng cộng	VI+VII	470,735,391	



BẢNG 2: QUYẾT TOÁN CHI PHÍ NHÂN CÔNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NĂM 2024
DỰ ÁN KHAI THÁC LỘ THIÊN MỎ KHE CHÀM II (ĐIỀU CHỈNH)

TT	Công việc	Cách tính	Số lượng	Đơn giá NC (đ/công)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	Ngoại nghiệp				22,770,000	
1	Khảo sát vị trí lấy mẫu	4 người x 1 ngày x 1 lần x ĐGNC	4	517,500	2,070,000	
2	Nhân công lấy mẫu và bảo quản mẫu				20,700,000	
-	Nhân công lấy mẫu	4 người x 2 ngày x 4 lần x ĐGNC	32	517,500	16,560,000	
-	Nhân công bảo quản mẫu	1 người x 2 ngày x 4 lần x ĐGNC	8	517,500	4,140,000	
II	Nội nghiệp				78,660,000	
1	Thiết kế phương án lấy mẫu ⁽⁵⁾	1 người x 3 công x 4 lần x ĐGNC	12	517,500	6,210,000	
2	Xác định quy trình lấy mẫu,... số lượng mẫu kiểm soát chất lượng (mẫu QC) ⁽⁸⁾	2 người x 2 công x 4 lần x ĐGNC	16	517,500	8,280,000	
3	Lập kế hoạch thực hiện bảo đảm chất lượng và kiểm soát chất lượng (QA/QC) ⁽¹¹⁾	1 người x 4 công x 4 lần x ĐGNC	12	517,500	6,210,000	
4	Nhận xét và đánh giá kết quả thực hiện ^(*)	1 người x 4 công x 4 lần x ĐGNC	12	517,500	6,210,000	
5	Xử lý số liệu quan trắc	2 người x 5 ngày x 4 lần x ĐGNC	40	517,500	20,700,000	
6	Tổng hợp viết thuyết minh	2 người x 8 ngày x 4 lần x ĐGNC	40	517,500	20,700,000	
7	Lập phiếu mẫu, xuất bản	2 người x 3 ngày x 4 lần x ĐGNC	12	517,500	6,210,000	
8	Thành lập bản đồ	1 người x 2 ngày x 4 lần x ĐGNC	8	517,500	4,140,000	
	Tổng	I + II			101,430,000	

Ghi chú:

(5);(8);(11): Khoản 5, 8,11 Phụ lục 1 Thông tư 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ TNMT quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường

(*): Thực hiện theo Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT ngày 29/9/2015 của Bộ TNMT về báo cáo hiện trạng môi trường, bộ chỉ thị môi trường và quản lý số liệu quan trắc môi trường.

BẢNG 3: QUYẾT TOÁN CHI PHÍ PHÂN TÍCH MẪU

STT	Thông số	Số điểm quan trắc	Số lần quan trắc	Đơn giá	Thành tiền
1	Môi trường nước				172,386,000
1.1	Nước thải công nghiệp	3	4		61,081,000
a	Nước thải moong khai trường	1	9	3,593,000	32,337,000
b	Bể trung chuyển trạm xử lý (tiếp nhận nước thải bơm từ moong)	1	4	3,593,000	14,372,000
c	Đầu ra trạm xử lý nước thải	1	4	3,593,000	14,372,000
1.2	Nước ngầm	2	4	2,082,000	16,656,000
	Giếng khoan khu dân cư phường Cẩm Tây	1			
	Giếng khoan khu dân cư phường Cẩm Sơn	1			
1.3	Nước mặt	2	4	2,690,000	21,520,000
	Suối Bang Nau phía Tây Bắc bãi thải Bang Nâu	1			
	Suối Đa Mai đoạn tiếp nhận nước thải sau xử lý				
	Suối Khe Cham đoạn hợp lưu với suối Bang Nâu	1			
1.4	Nước thải sinh hoạt	2	4	1,506,000	12,048,000
	Đầu ra nước thải nhà bếp khai trường	1			
	Đầu ra nước thải trạm xử lý NTSH	1			
2	Môi trường không khí	16	4	1,120,000	71,680,000
3	Môi trường đất	4	4	656,000	10,496,000
Tổng cộng					254,562,000

05383
Y
N
SƠN
QUẢNG

BẢNG 4: TỔNG HỢP PHÂN TÍCH MỘT MẪU NƯỚC

TT	Chỉ tiêu phân tích	Nước thải sản xuất	Nước mặt	Nước ngầm	Nước thải sinh hoạt	Ghi chú
1	pH	56,000	56,000	56,000	56,000	TT 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
2	Tss	80,000	80,000		80,000	
3	TS			104,000		
4	Độ màu	70,000				
5	BOD ₅	200,000	200,000		200,000	
6	COD	120,000	120,000	120,000	120,000	
7	Tổng N	150,000			150,000	
8	Tổng P	140,000			140,000	
9	Thủy ngân (Hg)	180,000	180,000			
10	Asen (As)	150,000	150,000	150,000		
11	Cadimi (Cd)	130,000	130,000	130,000	130,000	
12	Cu	130,000	130,000	130,000		
13	Chì (Pb)	130,000	130,000	130,000		
14	Cr ³⁺	130,000	130,000			
15	Cr ⁶⁺	130,000			130,000	
16	Fe	130,000	130,000	130,000		
17	Mn	130,000		130,000		

BẢNG 5: TỔNG HỢP PHÂN TÍCH MỘT MẪU KHÍ

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn giá	Ghi chú
1	SO ₂	140,000	TT 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
2	NO ₂	140,000	TT 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
3	H ₂ S	140,000	TT 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
4	CO	140,000	TT 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
5	Hơi Pb	140,000	TT 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
6	Bụi lơ lửng	140,000	TT 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
7	Tiếng ồn	224,000	TT 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
8	Nhiệt độ	56,000	TT 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
9	Tốc độ gió		TT 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
10	Độ ẩm		TT 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
Tổng		1,120,000	

N: 8
CỘNG
HỢP
CỔ PHẦN
KIỂM
- T
PHÁ -

BẢNG 6: TÔNG HỢP PHÂN TÍCH MỘT MẪU ĐẤT

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn giá	Ghi chú
1	pH(KCl)	60,000	
2	Độ ẩm	50,000	
3	K ₂ O	60,000	
4	P ₂ O ₅ (tổng số)	60,000	
5	Tổng N	60,000	
6	Pb	80,000	
7	As	80,000	
8	Zn	80,000	
9	Tổng mùn	72,000	
10	Tổng kiềm	54,000	
Tổng cộng		656,000	

1020
GTY
HÂN
AO S
KV
QUA

**BẢNG 7: BIỂU ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP NCKH, LẬP DỰ ÁN ĐẦU TƯ, KHẢO SÁT THIẾT KẾ.
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH**

TT	Lương cơ bản và các khoản phụ cấp có tính lương	Đơn giá nhân công tư vấn xây dựng (đồng/ngày)
I	Tư vấn xây dựng vùng II	
	Kỹ sư	517,500



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Mẫu số - Ký hiệu (Serial No.): 1C24TAA
Số (Invoice No.): 00000076

Ngày (day) 26 tháng (month) 12 năm (year) 2024

Mã của Cơ quan thuế: 00EF6DFA7EB1F8439C9255C41FFD98A327

Đơn vị bán (Seller): TRUNG TÂM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỎ VÀ MÔI TRƯỜNG
MST (Tax Code): 0100763654
Địa chỉ (Address): Tầng I, Nhà A, Trường ĐH Mỏ - Địa Chất, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 02437520356
STK (Account No.): 3100 211 000 113 - Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Từ Liêm - Hà Nội

Người mua (Buyer): Phạm Duy Trung
Đơn vị (Co. name): CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV
MST (Tax Code): 5702053837
Địa chỉ (Address): Tổ 1, Khu Cao Sơn 2, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
HTTT (Pay. method): Chuyển khoản
STK (Account No.): 110642428888 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cẩm Phả

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	SL (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Quan trắc môi trường mỏ định kỳ năm 2024-Dự án khai thác lộ thiên mỏ Khe Chàm II (điều chỉnh) - Công ty cổ phần than Cao Sơn – TKV (theo Hợp đồng số: 1961/HĐ-TCS-KH ngày 01/3/2024; Biên bản nghiệm thu ngày 26/12/2024; Quyết toán ngày 26/12/2024)				435.866.103
Cộng tiền hàng (Sub total):					435.866.103
Thuế suất GTGT (Tax rate): 8%		Cộng tiền thuế GTGT (VAT amount):			34.869.288
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					470.735.391
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Bốn trăm bảy mươi triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi mốt đồng chẵn./.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Đã được ký điện tử bởi
(Signed digitally by)

TRUNG TÂM KHOA HỌC CÔNG
NGHỆ MỎ VÀ MÔI TRƯỜNG

Ngày: 26/12/2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)